TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN QUAN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HS-ST
Ngày 31-5-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Bá Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Thiện Hào

Ông Hoàng Văn Thuật

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Bích – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/HSST-QĐ ngày 13/5/2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 03/10/1990 tại xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1 và con bà Nguyễn Thị N, cùng sinh năm 1965; vợ: Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1992; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2020 đến ngày 22/01/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn: Bảo lĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Trung C, tên gọi khác: Trần Quang C, H; sinh ngày 10/4/1986 tại xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm L, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trung L, sinh năm 1965 và con bà Lương Thị M, sinh năm 1963; vợ: Đàm Thị L, sinh năm 1986 (đã ly hôn); con: Có 01 con, sinh năm 2011; tiền án: Ngày 24/9/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh

Tuyên Quang xử phạt 04 năm tù; ngày 25/9/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quảng xử phạt 01 năm 03 tháng tù, đều về tội Trộm cắp tài sản (con trâu). Ngày 25/8/2017, Trần Trung C chấp hành xong án phạt tù, nhưng chưa thi hành khoản tiền bồi thường cho các bị hại nên chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/11/2020 tại Nhà tạm giữ, Công an huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Lương Văn H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

2. Ông Nông Văn C, sinh năm 1955. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

3. Ông Phùng Minh L, sinh năm 1943. Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Ông Đinh Thành H1, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

5. Ông Vi Văn G, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

6. Ông La Văn T2, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

7. Ông Triệu Văn Đ, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

2. Chị Đặng Thị Ngọc Á, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

3. Ông Đặng Văn M, sinh năm 1983. Địa chỉ: Xóm C, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

4. Ông Đặng Văn H3, sinh năm 1972. Địa chỉ: Xóm C, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

5. Anh Bùi Văn T3, sinh năm 1991. Địa chỉ: Xóm C, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

6. Chị Lăng Thị L, sinh năm 1991. Địa chỉ: Xóm C, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt

- *Người làm chứng:* Chị Lê Thị Kiều O, sinh năm 1993. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 6 năm 2020, Trần Văn T quen biết Trần Trung C. Trần Trung C có nhờ Trần Văn T vận chuyển và tiêu thụ Trâu được lấy trộm từ Trung Quốc mang sang Việt Nam, nhưng không nói cho Trần Văn T biết là do ai trộm cắp (trên thực tế Trâu là do Trần Trung C trộm cắp), Trần Văn T đồng ý và cùng bàn bạc tiền bán Trâu được chia như sau: Trả cho người dắt Trâu từ Trung Quốc sang 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với Trâu bé, 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với Trâu lớn (thực tế số tiền này Trần Trung C được hưởng); tiền công vận chuyển Trâu là 4.000.000 đồng (số tiền này Trần Văn T được hưởng). Sau khi bán được Trâu, Trần Văn T sẽ trực tiếp ra Ngân hàng chuyển tiền hoặc nhờ Lê Thị Kiều O, sinh năm 1993, trú tại K, thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc là người làm dịch vụ chuyển tiền thuê để chuyển tiền vào số tài khoản Agribank mang tên Đặng Thị Ngọc Á (sinh năm 1993, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc) cho Trần Trung C; số tiền còn lại sẽ chia làm hai phần, Trần Văn T và Trần Trung C mỗi người hưởng một phần, phần của Trần Trung C được Trần Văn T chuyển vào tài khoản Agribank mang tên Trần Văn T (thẻ của Trần Văn T nhưng Trần Trung C mượn và giữ để sử dụng).

Từ ngày 26/7/2020 đến ngày 11/10/2020, Trần Trung C đã 06 lần thực hiện hành vi trộm cắp 08 con Trâu ở nhiều địa bàn khác nhau, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 26/7/2020, Trần Trung C một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Maryty không có biển kiểm soát (xe của Trần Trung C) đi đến khu vực Trạm cân trọng tải thuộc thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng thì nhìn thấy chuồng Trâu của nhà ông Lương Văn H ở cạnh đường nên Trần Trung C nảy sinh ý định trộm cắp. Trần Trung C gọi điện thoại cho Trần Văn T, bảo Trần Văn T lên Cao Bằng chở Trâu, Trần Văn T đồng ý và một mình điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu TATA TMTSUPER ACE, biển kiểm soát 88C-158.75 lên Cao Bằng, còn Trần Trung C điều khiển xe mô tô quay lại thị trấn T, huyện T mua 01 sợi dây thừng dài khoảng 06m rồi cắt làm đôi. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Trần Trung C gọi điện thoại bảo Trần Văn T đến thuê phòng tại nhà nghỉ S ở xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng, chờ Trần Trung C gọi thì đến chở Trâu. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Trần Trung C điều khiển xe mô tô Maryty (không biển kiểm soát) đem theo 02 sợi dây thừng, đến gần chuồng Trâu nhà ông Lương Văn H thì dừng lại, xuống dựng xe cạnh đường, đi bộ qua ruộng ngô đến mở cửa chuồng Trâu và dùng sợi dây thừng đem theo buộc vào sợi dây thừng cũ đã xỏ qua mũi con Trâu, Trần Trung C dắt trâu qua ruộng ngô rồi buộc Trâu vào gốc cây xoan ở bên phải đường hướng Cao Bằng - Lạng Sơn. Lúc này, Trần Trung C nghe thấy tiếng mõ Trâu ở chuồng Trâu nhà ông Nông Văn C cách vị trí buộc Trâu khoảng 100m, Trần Trung C cởi áo phông vắt ở bờ rào cạnh đường rồi đi đến chuồng trâu nhà ông Nông Văn C và chui qua cửa chuồng vào bên trong rồi dùng sợi dây thừng buộc qua sừng trâu. Lúc này, ông Nông Văn C đang ở trong nhà nghe tiếng động ở chuồng Trâu nên cầm đèn pin ra xem. Bị phát hiện, Trần Trung C liền trèo qua lỗ thông gió ở chuồng Trâu rồi

nhảy xuống vườn ngô thì bị rơi điện thoại và dép, Trần Trung C chạy đến vị trí để xe mô tô rồi điều khiển xe đi theo hướng Cao Bằng - Lạng Sơn. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Văn T gọi cho Trần Trung C nhưng không thấy trả lời, nên Trần Văn T đã trả phòng tại nhà nghỉ Sao Mai rồi đi về nhà. Trần Trung C đi xe mô tô Maryty về nhà nghỉ S, xã Đ, huyện T thuê phòng ngủ, hôm sau thì Trần Trung C đi về huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Đến sáng ngày 27/7/2020, gia đình Lương Văn H phát hiện bị mất Trâu, nên đã đi tìm và thấy Trâu đang được buộc ở gốc cây xoan cạnh đường.

Lần thứ hai: Khoảng 9 giờ ngày 06/8/2020, Trần Trung C một mình điều khiển xe mô tô Maryty (không biển kiểm soát) từ thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng đến tỉnh Lạng Sơn, mục đích đi trộm Trâu. Khoảng 16 giờ cùng ngày, khi đi đến khu vực thôn B, xã V, huyện C thì Trần Trung C phát hiện chuồng Trâu của nhà ông Phùng Minh L không ở gần nhà, nên Trần Trung C gọi điện bảo Trần Văn T lên Lạng Sơn chở Trâu, Trần Văn T đồng ý và điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 88C-158.75 lên Lạng Sơn. Khoảng 21 giờ cùng ngày, Trần Trung C điều khiển xe mô tô Maryty (không biển kiểm soát) đến gần chuồng Trâu nhà ông Phùng Minh L, ngồi chờ Trần Văn T đến. Đến khoảng 00 giờ ngày 07/8/2020, Trần Văn T gọi điện nói đã đến cầu S thuộc địa phận xã V, huyện C thì Trần Trung C bảo Trần Văn T đỗ xe đợi một lúc. Sau đó, Trần Trung C đi bộ đến mở cửa chuồng trâu nhà ông Phùng Minh L, cầm dây thừng buộc ở mũi con Trâu, tháo chuông ở cổ Trâu vứt đi, rồi dắt Trâu ra quốc lộ 1A. Khi đi đến gần đường, Trần Trung C gọi Trần Văn T đến chở Trâu. Trần Văn T đến lùi thùng xe tải vào lề đường rồi Trần Trung C dắt Trâu lên thùng xe và buộc vào thành xe. Sau đó, Trần Trung C đi về Cao Bằng, còn Trần Văn T chở Trâu về nhà. Khoảng 07 giờ ngày 07/8/2020, Trần Văn T chở trâu ra chợ D ở xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc bán cho một người không quen biết với giá khoảng 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng (Trần Văn T không nhớ cụ thể số tiền). Ngày 10/8/2020, Trần Văn T chuyển tiền cho Trần Trung C vào tài khoản Đặng Thị Ngọc Á 12.000.000 đồng (thẻ do Trần Trung C giữ và sử dụng) và chuyển vào tài khoản Trần Văn T 2.000.000 đồng (thẻ do Trần Trung C giữ và sử dụng). Số tiền còn lại khoảng 6.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng Trần Văn T giữ.

Lần thứ ba: Khoảng 15 giờ 00’ ngày 24/8/2020, Trần Trung C một mình điều khiển xe mô tô Maryty (không biển kiểm soát) từ thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng đến thành phố L để mua cần câu cá. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi qua địa phận thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, Cơ nhìn thấy 02 con Trâu trong chuồng nhà ông Đinh Thành H ở cạnh đường, nên đã nảy sinh ý định trộm Trâu. Trần Trung C gọi điện thoại cho Trần Văn T để lên Lạng Sơn chở Trâu, Trần Văn T đồng ý và gọi điện thoại cho Bùi Văn T3, bảo Bùi Văn T3 cùng đi lái xe chở Trâu về nhưng không nói đó là Trâu do trộm cắp mà có, Bùi Văn T3 đồng ý. Trần Văn T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 88C-158.75 lên Thái Nguyên đón Bùi Văn T3 rồi đi sang Lạng Sơn. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Trần Trung C điều khiển xe mô tô Maryty (không biển kiểm soát) đến khu vực gần chuồng Trâu, đỗ xe ở lề đường rồi đi bộ đến chuồng Trâu, tháo dây buộc cửa, mở cửa chuồng và dắt 01 con Trâu ra đứng chờ Trần Văn T ở cạnh đường.

Trần Văn T lái xe ô tô cùng Bùi Văn T3 đến và lùi vào lề đường, Bùi Văn T3 mở cửa thùng xe để Trần Trung C dắt Trâu lên xe buộc thừng vào thành xe, Bùi Văn T3 đóng cửa thùng xe lại rồi cùng Trần Văn T điều khiển xe quay về nhà Bùi Văn T3, còn Trần Trung C đi xe mô tô Maryty (không biển kiểm soát) về Cao Bằng. Đến sáng ngày 25/8/2020, Trần Văn T bán Trâu cho anh Đặng Văn H (sinh năm 1972, trú tại xóm C, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) với giá 28.000.000 đồng, Trần Văn T trả công lái xe cho Bùi Văn T3 1.500.000 đồng, cho con của Bùi Văn T3 300.000 đồng. Ngày 26/8/2020, Trần Văn T chuyển tiền cho Trần Trung C vào tài khoản Đặng Thị Ngọc Á 10.000.000 đồng và vào tài khoản Trần Văn T 8.000.000 đồng, số tiền còn lại 8.200.000 đồng Trần Văn T giữ.

Lần thứ tư: Khoảng 10 giờ ngày 12/9/2020, Trần Trung C một mình điều khiển xe mô tô Maryty (không biển kiểm soát) từ thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng đến tỉnh Lạng Sơn mục đích để trộm Trâu. Khi Trần Trung C đi đến thôn Ht, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì nhìn thấy 01 con Trâu trong chuồng nhà anh Vi Văn G. Trần Trung C gọi điện thoại cho Trần Văn T lên Lạng Sơn chở Trâu, Trần Văn T đồng ý và điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 88C-158.75 lên Lạng Sơn. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Trung C điều khiển xe mô tô hiệu Maryty đến để xe ở ngôi nhà bỏ hoang gần chuồng trâu nhà anh Vi Văn G, rồi đi bộ đến chuồng trâu, dắt Trâu ra chỗ để xe ngồi chờ Trần Văn T. Khoảng 01 giờ ngày 13/9/2020, khi Trần Văn T đi ô tô đến nơi, hai người cho Trâu lên thùng xe rồi Trần Trung C đi xe mô tô về Cao Bằng, còn Trần Văn T chở Trâu về nhà. Đến sáng ngày 13/9/2020, Trần Văn T chở Trâu ra chợ D ở xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc bán cho một người không quen biết với giá khoảng 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng (Trần Văn T không nhớ cụ thể số tiền). Ngày 14/9/2020, Trần Văn T chuyển tiền cho Trần Trung C vào tài khoản Đặng Thị Ngọc Á 7.000.000 đồng , vào tài khoản Trần Văn T 5.000.000 đồng, số tiền còn lại khoảng 3.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng Trần Văn T giữ.

Lần thứ năm: Khoảng giữa tháng 09 năm 2020, Trần Trung C bị mất chiếc xe mô tô nhãn hiệu Maryty (không biển kiểm soát) tại khu vực đường mòn biên giới ở huyện H, tỉnh Cao Bằng, nên đến đầu tháng 10 năm 2020, Trần Trung C đi đến bến xe thành phố C, hỏi thuê xe mô tô của một người đàn ông tên T (không rõ tuổi, địa chỉ, không nhớ biển kiểm soát của xe) với giá 1.000.000 đồng/ngày để tìm gỗ sưa mang về bán, T đồng ý. Sáng ngày 06/10/2020, Trần Trung C gọi điện thoại cho T bảo chở Trần Trung C sang tỉnh Quảng Ninh tìm gỗ sưa. Khoảng 16 giờ cùng ngày khi đi đến địa phận thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, Trần Trung C nhìn thấy chuồng trâu của nhà anh La Văn T2 ở cạnh đường thì nảy sinh ý định trộm Trâu. Sau khi đi sang tỉnh Quảng Ninh tìm gỗ sưa, nhưng không được nên Trần Trung C bảo T quay xe lại, đến gần chuồng trâu nhà anh La Văn T thì Trần Trung C bảo T đỗ xe lại, Trần Trung C gọi điện thoại cho Trần Văn T để lên Lạng Sơn chở Trâu, Trần Văn T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 88C-158.75 lên Lạng Sơn. Sau đó, Trần Trung C và Trung ra thị trấn Đ ngồi uống nước chờ Trần Văn T đến nhưng Trần Trung C không nói cho T biết việc mình đi trộm trâu. Khoảng 21 giờ cùng ngày, Trần

Trung C bảo T chở mình quay lại gần khu vực chuồng trâu để gặp bạn, đến nơi Trần Trung C nhờ T bẻ giúp 06, 07 cây ngô rồi Trần Trung C đưa cho T 100.000 đồng , bảo T ra thị trấn Đ, huyện Đ ngồi uống nước để chờ. Khoảng 02 giờ ngày 07/10/2020, Trần Văn T đi xe ô tô đến nơi, Trần Trung C bảo Trần Văn T chờ, rồi Trần Trung C một mình đi vào chuồng trâu nhà La Văn T2 dắt 02 con trâu ra gần đường, Trần Văn T lùi xe vào bãi đất, cả hai mở thùng xe dắt trâu lên thùng xe. Sau đó, Trần Văn T chở trâu đi về nhà, còn Trần Trung C gọi T đến đón đi về Cao Bằng, Trần Trung C trả công cho T 1.000.000 đồng. Đến sáng cùng ngày, Trần Văn T chở 02 con trâu ra chợ D ở xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc bán cho một người không quen biết với giá từ 23.000.000 đồng đến 24.000.000 đồng. Ngày 08/10/2020, Trần Văn T chuyển tiền cho Trần Trung C vào tài khoản Đặng Thị Ngọc Á 14.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản Trần Văn T 6.000.000 đồng, số tiền còn lại khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng Trần Văn T giữ.

Lần thứ sáu: Khoảng 9 giờ ngày 11/10/2020, Trần Trung C đón xe khách từ thị trấn T, huyện Q ra thành phố C rồi gọi điện cho T đến đón đi Lạng Sơn. Khi đi đến địa phận thôn K, xã L, huyện V, Trần Trung C nhìn thấy có 01 con trâu đang buộc ở cạnh chuồng trâu nhà ông Triệu Văn Đ nên nảy sinh ý định trộm trâu. Nhưng Trần Trung C bảo T tiếp tục đi ra ngã ba của quốc lộ 1B và đường đi thị trấn N, huyện V dừng xe ngồi uống nước, rồi Trần Trung C gọi điện cho Trần Văn T, bảo lên Lạng Sơn chở trâu. Trần Văn T đồng ý rồi gọi điện thoại cho Bùi Văn T3, bảo Bùi Văn T3 cùng đi lái xe chở trâu về. Sau đó, Trần Văn T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 88C - 158.75 từ nhà lên đón Bùi Văn T3, rồi đi theo quốc lộ 1B từ Thái Nguyên sang Lạng Sơn. Khoảng 20 đến giờ cùng ngày, Trần Trung C bảo T chở mình đến khu vực chuồng trâu nhà ông Triệu Văn Đ, sau đó Trần Trung C bảo T đi ra ngã ba đợi mình. Khoảng 02 giờ ngày 12/10/2020, Trần Văn T đến nơi và đỗ xe ở cạnh đường. Trần Trung C bảo Trần Văn T đợi, rồi một mình đi bộ đến mở cửa chuồng trâu và dắt 01 con trâu ra gần đường rồi gọi Trần Văn T đến chở. Khi Trần Văn T lùi đuôi xe vào gần mô đất, Trần Trung C đẩy trâu lên xe thì bị trẹo chân nên Trần Trung C đã gọi điện cho T vào giúp cùng Trần Trung C và Trần Văn T dắt trâu lên xe, buộc trâu bằng dây thừng vào khung sắt. Sau đó, Trần Văn T và Trần Văn T3 lái xe chở trâu theo đường cũ về nhà Bùi Văn T, còn Trần Trung C và T đi về Cao Bằng, Trần Trung C trả công cho T 1.000.000 đồng. Đến nhà Bùi Văn T3, Trần Văn T bảo Bùi Văn T3 tìm người bán trâu. Khoảng 08 giờ cùng ngày, Bùi Văn T3 gọi điện cho Đặng Văn M (sinh năm 1983, là người cùng xã) hỏi bán trâu, Đặng Văn M đồng ý mua với giá 38.000.000 đồng. Bùi Văn T3 hỏi Trần Văn T bán trâu với giá 36.000.000 đồng được không. Trần Văn T gọi điện hỏi Trần Trung C bán trâu với giá 33.000.000 đồng, Trần Trung C đồng ý. Khi nhận tiền từ Đặng Văn M, Bùi Văn T3 chỉ lấy 37.800.000 đồng nhưng Đặng Văn M nợ lại 1.000.000 đồng, chỉ đưa cho 36.800.000 đồng. Sau đó, Bùi Văn T3 đưa cho Trần Văn T 36.000.000 đồng, Trần Văn T trả công lái xe cho Bùi Văn T3 3.000.000 đồng. Ngày 12/10/2020, Trần Văn T chuyển tiền cho Trần Trung C

vào tài khoản Đặng Thị Ngọc Á 10.000.000 đồng và vào tài khoản Trần Văn T 8.000.000 đồng, số tiền còn lại 15.000.000 đồng Trần Văn T giữ.

Sau khi bị mất trâu, các bị hại Lương Văn H, Nông Văn C, Phùng Minh L, Đinh Thành H, Vi Văn G, La Văn T2, Triệu Văn Đ đã trình báo cơ quan Công an.

Ngày 17/10/2020 và ngày 24/11/2020, Trần Văn T và Trần Trung C đã bị bắt. Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn T và Trần Trung C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá tài sản số 20/KL-ĐGTSTTHS ngày 04/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, tỉnh Cao Bằng xác định: Giá trị 01 con trâu, Trần Trung C trộm của ông Lương Văn H là 27.000.000 đồng; Giá trị 01 con trâu, Trần Trung C trộm của ông Nông Văn C là 13.500.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 25, 26/KL-HĐĐGTS ngày 11/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn xác định: Giá trị 01 con trâu, Trần Trung C trộm của ông Phùng Minh L là 32.600.000 đồng; 01 con trâu, Trần Trung C trộm của anh Vi Văn G là 23.900.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 13/KL-ĐGTSTTHS ngày 16/10/2020 và số 01/KL-ĐGTSTTHS ngày 06/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn xác định: Giá trị 01 con trâu, Trần Trung C trộm của ông Triệu Văn Đ là 40.890.000 đồng; 01 con trâu, Trần Trung C trộm của ông Đinh Thành H là 26.100.000 đồng; 02 con trâu, Trần Trung C trộm của anh La Văn T2 là 26.100.000 đồng.

Đối với số tiền bán trâu Trần Văn T và Trần Trung C chia nhau, Trần Văn T và Trần Trung C đã tiêu xài hết nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Lương Văn H, Nông Văn C do chưa bị mất tài sản nên không yêu cầu bồi thường. Các bị hại Phùng Minh L, Đinh Thành H, Vi Văn G, La Văn T2 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản bị thiệt hại theo kết luận định giá tài sản. Bị hại Triệu Văn Đ do đã được trả lại tài sản nhưng yêu cầu được bồi thường số tiền thuê xe chở trâu từ Thái Nguyên về Lạng Sơn là 2.500.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Văn M đề nghị các bị cáo trả lại số tiền đã mua trâu là 36.800.000 đồng. Hiện nay bị cáo Trần Trung C chưa thực hiện việc bồi thường, bị cáo Trần Văn T đã nộp 41.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Quan để bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại.

Vật chứng của vụ án gồm có: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo A57, màu đen trắng, máy cũ đã qua sử dụng, bên trong lắp 02 sim điện thoại số 0989567955 và 0978401565; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo V20, màu xanh hồng, máy đã qua sử dụng, số IMEI 866243059671817, bên trong lắp 01 sim điện thoại số 0387895116; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6s, màu

vàng, máy đã qua sử dụng, số IMEI 355416075914068, bên trong lắp 01 sim điện thoại số 0398261720; 02 sợi dây thừng màu trắng, dài 3m, đã qua sử dụng; 01 đôi dép nhựa màu đen, có các lỗ nhỏ trên mặt dép, đã qua sử dụng; 01 chiếc áo phông cổ tròn, màu ghi, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, bàn phím màu nâu, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 353119112622205, số IMEI 2: 353119117622200; số tiền 5.600.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam do chị Lăng Thị L nộp thay cho Bùi Văn T3. Ngoài ra còn có 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 88C-158.75 cùng giấy tờ kèm theo, quá trình điều tra Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe ô tô cùng giấy tờ xe cho chủ sở hữu hợp pháp là Nguyễn Thị Thanh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Ngọc Á khai giữa chị và Trần Trung C có quan hệ yêu đương nên chị đã cho Trần Trung C mượn thẻ vì Trần Trung C nói là để chuyển tiền hàng, tiền làm ăn chứ không liên quan, không biết gì về hành vi phạm tội của Trần Trung C. Còn chiếc điện thoại di động hiệu ViVo là do Trần Trung C mượn của chị vào tháng 10/2020, nhưng chị không biết là dùng vào việc phạm tội, nên đề nghị được trả lại.

Người làm chứng Lê Thị Kiều O khai: Chị làm dịch vụ chuyển tiền để lấy phí, nhưng có chuyển tiền giúp cho Trần Văn T hay không thì chị không nhớ vì giữa chị và Trần Văn T không có quan hệ, không quen biết nhau và nhật ký giao dịch trên điện thoại của chị hàng tháng đều tự động xóa nên nay chị không nhớ được.

Bùi Văn T tại các biên bản lấy lời khai cho rằng có được tham gia cùng Trần Văn T đi chở trâu 02 lần nhưng không biết đó là trâu do trộm cắp mà có, cả 02 lần đi đã được Trần Văn T trả công cho là 5.600.000 đồng, số tiền này anh đã nộp lại đủ cho Cơ quan điều tra nay không có ý kiến, đề nghị gì khác.

Với hành vi như trên tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKSVQ, ngày 12/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo điểm c khoản 2 Điều 323; truy tố bị cáo Trần Trung C về tội Trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận nội dung bản cáo trạng nêu về diễn biến, quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo là đúng và cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội, không oan.

Các bị hại Phùng Minh L, Đinh Thành H, Vi Văn G, La Văn T2 giữ nguyên yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản bị thiệt hại theo kết luận định giá tài sản. Bị hại Triệu Văn Đ chỉ yêu cầu được bồi thường số tiền thuê xe chở trâu từ Thái Nguyên về Lạng Sơn là 2.500.000 đồng. Ngoài ra bị hại Phùng Minh L còn yêu cầu được bồi thường thêm khoản tiền mất thu nhập do bị mất trâu không cày cấy được, tổng các khoản yêu cầu là 40.000.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Văn M đề nghị các bị cáo trả lại số tiền đã mua trâu là 36.800.000 đồng vì khi mua anh không biết là tài sản do trộm cắp mà có. Tại phiên tòa giữa các bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự

nguyện thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại, mỗi bị cáo sẽ có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan 50% giá trị thiệt hại.

Về các vật chứng: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo A57, màu đen trắng, máy cũ đã qua sử dụng của Trần Văn T; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, bàn phím màu nâu, đã qua sử dụng; 02 sợi dây thừng màu trắng, dài 3m; 01 đôi dép nhựa màu đen, có các lỗ nhỏ trên mặt dép; 01 chiếc áo phông cổ tròn, màu ghi của Trần Trung C các bị cáo đều thừa nhận sử dụng vào việc phạm tội nên nhất trí tịch thu sung quỹ Nhà nước hoặc tiêu hủy nếu vật chứng không còn giá trị sử dụng. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu vàng của Trần Trung C cho rằng không sử dụng vào việc phạm tội và yêu cầu được trả lại. Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C-158.75 tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thanh H cho rằng chiếc xe ô tô Trần Văn T sử dụng để chở trâu là do chị mua bằng nguồn tiền do chị đi làm Công ty tích góp được và một phần tiền do mẹ đẻ của chị cho. Do chị không có giấy phép lái xe nên cho Trần Văn T đứng tên, khi Trần Văn T lấy xe sử dụng vào việc phạm tội chị không biết nên đã được trả lại xe, nay chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên Cáo trạng và đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều Điều 323; các điểm b, s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Trung C từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa, các bị cáo sẽ có trách nhiệm liên đới bồi thường mỗi bị hại là 50% thiệt hại. Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia, 01 điện thoại di động hiệu Oppo; trả lại cho chị Đặng Thị Ngọc Á 01 điện thoại hiệu Vivo; trả lại cho bị cáo Trần Trung C 01 điện thoại nhãn hiện Iphone6S; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 5.600.000 đồng thu giữ của Bùi Văn T3; Tịch thu tiêu hủy 01 áo phông; 01 đôi dép; 02 sợi dây thừng. Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Tại phần tranh luận, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì. Tại lời nói sau cùng các bị cáo chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không khiếu nại quyết định, hành vi của người

tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại Lương Văn H, Nông Văn C, vắng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Ngọc Á không rõ lý do, nhưng phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ lần hai, những người này cũng đã có đầy đủ lời khai và các yêu cầu trong hồ sơ nên việc xét xử vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn T3, Lăng Thị L đã có đơn xin xử vắng mặt có xác nhận của chính quyền địa phương. Do vậy việc xét xử vắng mặt những người này là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội, không oan. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp biên bản hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở xác định từ ngày 26/7/2020 đến ngày 11/10/2020, Trần Trung C đã trộm cắp 08 con trâu của các ông Lương Văn H, Nông Văn C, Phùng Minh L, Đinh Thành H, Vi Văn G, La Văn T2, Triệu Văn Đ tại huyện T, tỉnh Cao Bằng và các huyện C, T, Đ, V, tỉnh Lạng Sơn. Tổng giá trị tài sản do bị cáo trộm cắp được theo kết luận định giá tài sản xác định được là 190.090.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đối với Trần Văn T mặc dù biết rõ là tài sản do Trần Trung C trộm cắp mà có nhưng từ ngày 06/8/2020 đến ngày 12/10/2020, đã vận chuyển và tiêu thụ 05 chuyến được 06 con Trâu do Trần Trung C trộm cắp mà có tại các huyện C, Tràng Đ, Đ, V, tỉnh Lạng Sơn, tổng trị giá tài sản phạm pháp là 149.590.000đồng. Do đó hành vi của Trần Văn T đã phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo gây mất trật tự trị an, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của nhân dân được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian 03 tháng các bị cáo đã liên tiếp thực hiện hành vi phạm tội và thực hiện ở nhiều địa bàn khác nhau điều đó cho thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với Trần Trung C bản thân đã từng bị kết án chưa được xóa án tích do đó xác định bị cáo là người có nhân thân xấu. Lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm do lần phạm tội trước đó chưa được xóa án tích, đồng thời bị cáo đã thực hiện tội phạm từ 02 lần trở lên là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy

định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đảm bảo được tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đối với Trần Văn T: Bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nên được coi là có nhân thân tốt. Tuy nhiên, dù biết rõ tài sản do trộm cắp mà có, nhưng do hám lời bị cáo vẫn cố tình thực hiện tội phạm. Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội từ 02 lần trở lên, do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, quá trình giải quyết vụ án tích cực giúp Cơ quan điều tra làm rõ hành vi phạm tội của Trần Trung C để sớm kết thúc vụ án và trước khi mở phiên tòa bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 41.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Văn Quan để bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Đối với hành vi phạm tội của Trần Trung C: Trong thời gian từ ngày 26/7/2020 đến ngày 11/10/2020 bị cáo đã liên tiếp 08 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong 8 lần thực hiện có 01 lần trộm cắp Trâu của ông Nông Văn C không đạt do bị chủ sở hữu phát hiện và 01 lần đã hoàn thành tội phạm nhưng không chiếm đoạt được tài sản là ngoài ý muốn chủ quan. Tài sản trộm cắp đều nhằm vào đối tượng là Trâu, đây là tài sản có giá trị lớn đối với nhà nông, tuy nhiên chỉ cần có sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu là bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp, hơn nữa bị cáo thực hiện hành vi trên nhiều địa bàn khác nhau, bản thân cũng đã từng có tiền án về hành trộm cắp tài sản là Trâu, tuy không đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo có tính chất chuyên nghiệp nhưng qua đó thấy rằng bị cáo coi thường pháp luật, không chịu tu dưỡng bản thân, do đó đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Đối với Trần Văn T dù biết rõ tài sản do trộm cắp mà có, nhưng do hám lời vẫn cố tình thực hiện tội phạm một cách tích cực. Hành vi của bị cáo đã tiếp tay cho Trần Trung C liên tiếp thực hiện tội phạm trên nhiều địa bàn khác nhau. Bị cáo đã 05 lần tiếp tay vận chuyển và tiêu thụ thành công cho Trần Trung C 06 con Trâu với tổng giá trị là 149.590.000 đồng, do vậy đối với bị cáo cần có mức án nghiêm khắc mới đảm bảo răn đe, giáo dục. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã bồi thường khắc phục hậu quả; từ khi khởi tố vụ án bị cáo đã tích cực giúp Cơ quan điều tra làm rõ hành vi của Trần Trung Cơ để sớm kết thúc vụ án nên sẽ xem xét giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng và theo khoản 5 Điều 323 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ

5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo kết quả xác minh tại địa phương ngày 09/12/2020 thì Trần Trung C không có việc làm ổn định, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng và tại biên bản xác minh ngày 30/12/2020 thì Trần Văn T không có tài sản riêng, sống chung cùng bố mẹ vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về bồi thường thiệt hại: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đối với gia đình ông Lương Văn H và Nông Văn C nhưng chưa chiếm đoạt được tài sản, nay các bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Bị hại Triệu Văn Đ đã được trả lại tài sản, nay chỉ yêu cầu được bồi thường tiền thuê xe chở trâu về là 2.500.000 đồng. Các bị hại khác gồm: Phùng Minh L, Đinh Thành H, Vi Văn G, La Văn T2 đều yêu cầu bị cáo Trần Trung C có trách nhiệm bồi thường giá trị tài sản theo Kết luận định giá cụ thể: Con Trâu của ông Phùng Minh L có giá trị là 32.600.000 đồng; của ông Vi Văn G là 23.900.000 đồng; của ông Đinh Thành H là 26.100.000 đồng; 02 con Trâu của anh La Văn T2 có tổng giá trị là 26.100.000 đồng. Ngoài ra ông Phùng Minh L còn yêu cầu bồi thường thêm tiền thiệt hại do bị mất trâu không cày cấy được, tổng số tiền yêu cầu được bồi thường là 40.000.000 đồng. Tài sản trộm cắp không thu hồi được để trả lại cho bị hại, các bị cáo cũng chưa bồi thường cho các bị hại, nay các bị hại yêu cầu bồi thường là có căn cứ. Tại phiên tòa các bị cáo và bị hại đã tự nguyện thỏa thuận mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại 50% số tiền thiệt hại nêu ở trên. Việc thỏa thuận giữa các bị cáo, người bị hại là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận.

[10] Con Trâu trộm cắp của ông Triệu Văn Đ, sau đó bán cho anh Đặng Văn M với số tiền anh M trả thực tế là 36.800.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi con Trâu hoàn trả cho bị hại Triệu Văn Đ. Do khi mua anh Đặng Văn M không biết là tài sản trộm cắp mà có nên việc anh Đặng Văn M yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền này là có căn cứ. Tại phiên tòa các bị cáo và anh Đặng Văn M tự nguyện thỏa thuận mỗi bị cáo có trách nhiệm hoàn trả cho anh Đặng Văn M 50% số tiền thiệt hại, mỗi người là 18.400.000 đồng. Việc thỏa thuận là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận.

[11] Đối với Bùi Văn T3 tuy không có căn cứ chứng minh liên quan đến tội phạm, không có căn cứ xử lý về hình sự nhưng cũng được hưởng lợi từ số tiền phạm tội mà có là 5.600.000 đồng. Số tiền này vợ anh Bùi Văn T3 là chị Lăng Thị L đã tự nguyện nộp lại nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[12] Đối với người đàn ông tên T đã 02 lần chở Trần Trung C đến huyện Đ và huyện V, tỉnh Lạng Sơn khi C đi trộm Trâu, nhưng do không biết rõ họ, tên và địa chỉ nên không có cơ sở để điều tra làm rõ và xử lý.

[13] Đối với Đặng Thị Ngọc Á đã mở tài khoản cho Trần Trung C sử dụng; Lê Thị Kiều O đã nhiều lần chuyển tiền cho Trần Văn T để lấy tiền công nhưng không biết về việc phạm tội, không biết tiền do phạm tội mà có. Đặng

Văn M, Đặng Văn H là người mua Trâu, nhưng không biết Trâu do phạm tội mà có nên đều không có cơ sở để xử lý.

[14] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo A57; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước; 01 điện thoại nhãn hiệu ViVo V20 của chị Đặng Thị Ngọc Á không liên quan đến việc phạm tội trả lại cho chị Đặng Thị Ngọc Á; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone6S của bị cáo Trần Trung C không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo; 02 sợi dây thừng; 01 đôi dép nhựa; 01 chiếc áo phông không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; số tiền 5.600.000 đồng do chị Lăng Thị L là vợ của Bùi Văn T3 nộp thay cho Bùi Văn T3 tịch thu sung quỹ Nhà nước do là tiền hưởng lợi bất chính từ hành vi phạm tội. Đối với 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu TA TA TMTSUPER ACE, biển kiểm soát 88C-158.75 và các giấy tờ liên quan, tuy là xe đứng tên Trần Văn T, xe được mua trong thời kỳ hôn nhân, nhưng nguồn tiền một phần do chị Nguyễn Thị Thanh H đi làm Công ty tích góp được và một phần do bà Nguyễn Thị Thanh T (là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Thanh H) cho chị H để mua xe. Chị Nguyễn Thị Thanh H không biết bị cáo dùng xe vào việc phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh H nên không xem xét.

[15] Nhận định của Hội đồng xét xử phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Trần Trung C, về xử lý vật chứng, án phí. Riêng đối với bị cáo Trần Văn T do trước khi mở phiên tòa đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả tổng là 41.000.000 đồng, tại phiên tòa đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường tiếp cho các bị hại và được các bị hại xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, trở thành người tốt cho gia đình và xã hội.

[16] Về án phí: Do bị tuyên là có tội nên các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo 200.000 đồng. Bị cáo Trần Trung C phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải bồi thường cho các bị hại là 77.700.000 đồng x 5% = 3.885.000 đồng. Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí sơ thẩm dân sự đối với số tiền chưa bồi thường là 36.700.000 đồng x 5% = 1.835.000 đồng.

[17] Quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Trung Cơ.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 323; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Trung C phạm tội Trộm cắp tài sản. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Trung C 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2020.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi thời hạn tạm giam là 98 ngày (từ ngày 17/10/2020 đến 22/01/2021). Thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại là 32 tháng 22 ngày tù.

3. Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo Trần Trung C, bị cáo Trần Văn T với những người bị hại Phùng Minh L, Đinh Thành H, Vi Văn G, La Văn T2, Triệu Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Văn M. Mỗi bị cáo sẽ có trách nhiệm bồi thường số tiền như sau:

- Các bị cáo phải bồi thường cho ông Vi Văn G số tiền 23.900.000 đồng. Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 11.950.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

- Các bị cáo phải bồi thường cho ông Đinh Thành H số tiền 26.100.000 đồng. Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 13.050.000 đồng (Mười ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Các bị cáo phải bồi thường cho ông La Văn Tú số tiền 26.100.000 đồng. Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 13.050.000 đồng (Mười ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Các bị cáo phải bồi thường cho ông Phùng Minh L số tiền 40.000.000 đồng. Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Các bị cáo phải bồi thường cho ông Triệu Văn Đ 2.500.000 đồng. Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)

- Các bị cáo phải hoàn trả cho ông Đặng Văn M số tiền 36.800.000 đồng. Mỗi bị cáo có trách nhiệm trả số tiền là 18.400.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tổng cộng số tiền bị cáo Trần Trung C phải trả cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: 77.700.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bị cáo Trần Văn T phải trả cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: 77.700.000 đồng. Xác nhận bị cáo Trần Văn T đã tự nguyện nộp trước tổng số tiền 41.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Văn Quan, tại các biên lai số AA/2015/0001421 ngày 24/2021 với số tiền 26.000.000 đồng và biên lai số AA/2015/0001425 ngày 31/5/2021 với số tiền 15.000.000 đồng. Số tiền bị cáo Trần Văn T còn phải bồi thường tiếp là 36.700.000 đồng (Ba mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu các bị cáo chậm trả thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước các vật chứng:

+ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo A57, màu đen trắng, máy cũ đã qua sử dụng, bên trong lắp 02 sim điện thoại số 0989567955 và 0978401565

+ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, bàn phím màu nâu, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 353119112622205, số IMEI 2: 353119117622200.

- Trả lại cho chị Đặng Thị Ngọc Á 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo V20, màu xanh hồng, máy đã qua sử dụng, số IMEI 866243059671817, bên trong lắp 01 sim điện thoại số 0387895116;

- Trả lại cho bị cáo Trần Trung C 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6s, màu vàng, máy đã qua sử dụng, số IMEI 355416075914068, bên trong lắp 01 sim điện thoại số 0398261720.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng:

+ 02 sợi dây thừng màu trắng, mỗi dây dài 3m, đã qua sử dụng;

+ 01 đôi dép nhựa màu đen, có các lỗ nhỏ trên mặt dép, đã qua sử dụng;

+ 01 chiếc áo phông cổ tròn, màu ghi, đã qua sử dụng;

(Các vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/4/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng) do chị Lăng Thị L nộp thay cho anh Bùi Văn T3. Số tiền này hiện đang gửi tại tài khoản số 3949.0.9048344.00000 tại Kho bạc Nhà nước Văn Quan, theo giấy nộp tiền ngày 29/01/2021.

5. Án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Bị cáo Trần Trung C còn phải chịu 3.885.000 đồng, bị cáo Trần Văn T còn phải chịu 1.835.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan;
- Công an huyện Văn Quan;
- CCTHADS huyện Văn Quan;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Bá Hiệp